TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHÚC YÊN** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/DS- ST
Ngày 31 - 7 - 2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚC YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Doãn Thị Vệ.

Ông Nguyễn Xuân Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hiệp- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phúc Yên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam- Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2018/QĐXXST- DS ngày 02 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2018/QĐST- DS ngày 17 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP V N.

Trụ sở chính: 89 Phố L, phường L, quận Đống Đa, TP.Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện hợp pháp: Bà Lê Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ: phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; là người đại diện theo ủy quyền lại (Theo các Văn bản ủy quyền số: 29/2017/UQ- CT ngày 22 tháng 6 năm 2017 và Văn bản ủy quyền lại số: 513/2017/UQ- GĐK- TDTD ngày 20 tháng 10 năm 2017), (Có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị T , sinh năm 1984.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 10 năm 2017 của nguyên đơn và những lời khai tiếp theo người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V N là bà Lê Thị H trình bày:

Ngày 11 tháng 11 năm 2014, chị Nguyễn Thị T có ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 20141110- 129001- 001 CC128023- 2202701với Ngân hàng TMCP V N để vay số tiền 39.005.358đồng, mục đích vay là: tiêu dùng cá nhân, hình thức vay là: vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Theo thỏa thuận giữa VPBank và chị Nguyễn Thị T thì lãi suất của khoản vay là 3.75%/tháng, phương thức trả nợ là: trả chậm trong vòng 36 tháng (36 kỳ trả nợ). Tổng số tiền chị Nguyễn Thị T phải thanh toán cho VPBank trong vòng 36 tháng bao gồm cả gốc và lãi là 71.677.000đồng, cụ thể: trong 35 tháng đầu mỗi tháng chị T phải trả cho VPBank số tiền 1.993.000đồng, tháng cuối cùng trả 1.922.000đồng, kỳ thanh toán là vào ngày 14 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 14/12/2014. Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, chị Nguyễn Thị T đã nhận đủ số tiền vay trên, khi đến kỳ trả nợ, chị Nguyễn Thị T đã thanh toán trả cho ngân hàng được 21 lần, với tổng số tiền là 39.914.000đồng; trong đó nợ gốc là 18.293.260đồng và nợ lãi là 21.620.740đồng. Kể từ ngày 23/6/2017, chị Nguyễn Thị T không thanh toán thêm bất kỳ khoản nào khác cho Ngân hàng. Do chị Nguyễn Thị T vay tiền để sử dụng vào mục đích tiêu dùng riêng cho cá nhân, không có liên quan gì đến các thành viên trong gia đình, nên VPBank chỉ yêu cầu chị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho VPBank theo hợp đồng tín dụng ký kết giữa hai bên tổng là 31.763.000đồng; trong đó nợ gốc là 20.712.098đồng, nợ tiền lãi trong hạn tính đến ngày hết hạn hợp đồng tín dụng ngày 14/11/2017 là 11.050.902đồng. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải ngân hàng còn yêu cầu chị T phải trả khoản tiền lãi tính từ ngày 15/11/2017 cho đến ngày Tòa án xét xử. Nhưng tại phiên tòa Ngân hàng TMCP V N tự nguyện không yêu cầu chị T phải trả số tiền lãi từ ngày 15/11/2017 đến ngày xét xử, đồng thời về nghĩa vụ chậm thanh toán của chị T, Ngân hàng TMCP V N cũng tự nguyện đề nghị Tòa án tính theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, mà không tính theo lãi suất của Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T tuy vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 5 năm 2018, ngày 25 tháng 5 năm 2018 và biên bản hòa giải chị T trình bày: Chị thừa nhận ngày 11 tháng 11 năm 2014 chị đã ký Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 20141110- 129001- 001 CC128023- 2202701với Ngân hàng TMCP V N để vay số tiền 39.005.358đồng, số tiền vay, lãi suất vay, thời hạn vay, mục đích vay, phương thức thanh toán, số tiền chị đã trả cho Ngân hàng TMCP V N và số tiền chị còn

nợ đúng như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày. Chị xác nhận số tiền chị vay của Ngân hàng TMCP V N chị dùng vào việc tiêu dùng cá nhân của riêng mình chị, không có liên quan gì đến chồng chị là anh Cường và các thành viên khác trong gia đình. Nay Ngân hàng TMCP V N khởi kiện yêu cầu chị trả số tiền là 31.763.000 đồng; trong đó nợ gốc là 20.712.098đồng, nợ tiền lãi trong hạn 11.050.902đồng (tính đến ngày hết hạn hợp đồng tín dụng ngày 14/11/2017) và còn phải trả lãi phát sinh cho đến khi thanh toán trả hết nợ chị nhất trí. Nhưng do kinh tế gặp khó khăn nên chị đề nghị Ngân hàng TMCP V N cho chị trả dần tiền nợ gốc là 20.712.098đồng, còn số tiền lãi và lãi phát sinh đề nghị Ngân hàng TMCP V N miễn cho chị.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa xét xử đã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 24, 91, 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2011; các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 470, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP V N, chị T phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng TMCP V N tổng số tiền là: 31.763.000 đồng; (trong đó nợ gốc là: 20.712.098đồng, nợ tiền lãi là 11.050.902đồng) và lãi suất chậm thanh toán theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng TMCP V N là Doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, được thực hiện các hoạt động trung gian tiền tệ (Kinh doanh ngân hàng, Kinh doanh ngoại tệ và làm dịch vụ Ngân hàng bằng ngoại tệ...) theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngày 11 tháng 11 năm

2014 giữa Ngân hàng TMCP V N với chị Nguyễn Thị T có địa chỉ Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là tổ Tổ dân phố Đ, phường Đ, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc,) đã ký kết đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 20141110- 129001- 001 CC128023- 220270 về việc Ngân hàng TMCP V N cho chị T vay số tiền 39.005.358 đồng với mục đích để tiêu dùng cá nhân. Do chị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 11 tháng 11 năm 2014 và được quy định tại khoản 7.1 Điều 7 trong Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân. Vì vậy quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" trong lĩnh vực tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phúc Yên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập bị đơn chị Nguyễn Thị T tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn cố tình vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận ngày 11 tháng 11 năm 2014 nguyên đơn với bị đơn đã ký kết đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số: 20141110-129001- 001 CC128023- 220270, số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay là 39.005.358đồng, bị đơn đã nhận đủ số tiền vay, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, hình thức vay là: vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm, lãi suất của khoản vay là 3.75%/tháng, phương thức trả nợ là: trả chậm trong vòng 36 tháng (36 kỳ trả nợ). Bị đơn là chị T đã trả cho Ngân hàng TMCP V N được 21 lần, với tổng số tiền là 39.914.000đồng; trong đó nợ gốc đã trả là 18.293.260 đồng, trả nợ lãi đã trả là 21.620.740đồng. Kể từ ngày 23/6/2017 đến nay bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn, tính đến ngày 14/11/2017 bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền là 31.763.000đồng; trong đó nợ gốc là 20.712.098đồng và nợ lãi là 11.050.902đồng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là sự thật khách quan, Hội đồng xét xử công nhận nội dung trên.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn đồng ý trả dần cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 20.712.098đồng, còn số tiền nợ lãi và số tiền lãi phát sinh đề nghị Ngân hàng TMCP V N miễn cho chị. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu của bị đơn, mà yêu cầu bị đơn trả ngay toàn bộ số tiền 31.763.000đồng, trong đó nợ gốc là 20.712.098đồng và nợ lãi là 11.050.902đồng. Tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi kể từ ngày 15/11/2017 cho đến ngày xét xử và tự nguyện điều chỉnh mức lãi suất đối với nghĩa vụ chậm thanh toán theo lãi suất quy định của

Bộ luật dân sự, do vậy Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn.

Vì vậy cần buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền là 31.763.000đồng; trong đó nợ gốc là 20.712.098đồng và nợ lãi là 11.050.902đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 31.763.000đồng x 5% = 1.588.000đồng (Một triệu năm trăm tám mươi tám nghìn đồng). Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 24, Điều 91 và Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2011; các Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 470, Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

1. Buộc chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V N tổng số tiền là: 31.763.000đồng (Ba mươi mốt triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn đồng); trong đó nợ gốc là 20.712.098đồng và nợ lãi là 11.050.902đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.588.000đồng (Một triệu năm trăm tám mươi tám nghìn đồng). Ngân hàng TMCP V N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại Ngân hàng TMCP V N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 794.000đồng (Bảy trăm chín mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003379 ngày 03 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu Ngân hàng TMCP V N có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Nguyễn Thị T chưa thanh toán được số tiền nêu trên, thì hàng tháng chị T còn phải chịu lãi suất do chậm trả tiền của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS TP.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thúy